

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2023 - 2024

MÔN: GD CD

KHỐI 12 - A

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		THỜI GIAN (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Pháp luật và đời sống	1.Pháp luật và đời sống	8		4		3		2		17	0		4.5
2	Thực hiện pháp luật	1.Thực hiện pháp luật	8		8		5		2		21	0		4.5
Tổng			16		12		8		4		40	0	45	10,0
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10					100

KHỐI 12 - D

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng			Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu hỏi		THỜI GIAN (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Pháp luật và đời sống	1.Pháp luật và đời sống	8		5		3		2		18	0		4.5
2	Thực hiện pháp luật	1.Thực hiện pháp luật	8		7		5		2		22	0		5.5
Tổng			16		12		8		4		40	0	45	10,0
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10					100

KHỐI 11

 - GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng		
		Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao					
		TN	Điểm	TL	TN	Điểm	TL	TN	Điểm	TL	TN	Điểm	TL	TN	Điểm	TL
1	Cạnh tranh trong nền kinh tế tế thị trường	6	1,5		4	1,0		0	2.0	*	0	1.0	*	10	2,5	SỐ CÂU PHÙ HỢP
2	Cung cầu trong nền kinh tế thị trường	5	1,25		4	1,0		0			0			9	2,25	
3	Thị trường lao động	5	1,25		4	1,0		0			0			9	2,25	
Tổng		16	4		12	3		0	2		0	1		28	7,0	3,0
Tỷ lệ %		40			30			20			10			30P		15P
Tỷ lệ chung		70						30						100		

KHỐI 10

 – GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng		
		Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao					
		CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TG	CH	Điểm	TL	TN	Điểm	TL
1	Nền kinh tế và các hoạt động của nền kinh tế	6	1,5		4	1,0		0	2.0	*	0	1.0	*	10	2,5	SỐ CÂU PHÙ HỢP
2	Các chủ thể của nền kinh tế	5	1,25		4	1,0		0			0			9	2.25	
3	Thị trường và chức năng của thị trường	5	1,25		4	1,0		0			0			9	2,25	
Tổng		16	4		12	3		0	2		4	1		28	7,0	3.0
Tỷ lệ %		40			30			20			10			30P		15P
Tỷ lệ chung		70						30						100		